

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2018.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trương Văn Th**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 1, xã T H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp 1, xã T H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Th có mặt; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn Th trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 1999 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau nên hiện nay anh và chị H đã sống ly thân. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị B N, sinh ngày 30/12/2000 và Trương Thị B T, sinh ngày 10/9/2005; hiện nay 02 con chung đang sống với anh. Khi ly hôn, anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B T và đồng ý giao con chung tên Trương Thị B N cho chị H nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải bị đơn chị Huỳnh Thị H trình bày: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh Th về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay do tình cảm không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị B N, sinh ngày 30/12/2000 và Trương Thị B T, sinh ngày 10/9/2005; hiện nay 02 con chung đang sống với anh Th. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B N và đồng ý giao con chung tên Trương Thị B T cho anh Th nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Th (photo);
- Giấy chứng minh nhân dân của chị H (photo);
- Trích lục khai sinh tên Trương Thị B T và Trương Thị B N (bản sao);
- Bản tự khai của Trương Thị B T và Trương Thị B N (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn Th về việc yêu cầu được ly hôn với Huỳnh Thị H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã T H T, huyện C L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với bị đơn là chị Huỳnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Anh Trương Văn Th và chị Huỳnh Thị H tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1999, nhưng anh Th và chị H không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung anh Th và chị H không xây dựng được hạnh phúc gia đình nên anh Th yêu cầu được ly hôn với chị H. Tuy nhiên, do anh Th và chị H sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc yêu cầu xin ly hôn của anh Th. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, không công nhận anh Trương Văn Th và chị Huỳnh Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị B N, sinh ngày 30/12/2000 và Trương Thị B T, sinh ngày 10/9/2005; hiện nay 02 con chung đang sống với anh Th. Nay anh Th và chị H thống nhất thỏa thuận như sau: Anh Trương Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B T, sinh ngày 10/9/2005; chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B N, sinh ngày 30/12/2000; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét đây là sự tự thỏa thuận của anh Th và chị H, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp theo biên lai số 0000544 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trương Văn Th và Huỳnh Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa anh Trương Văn Th và chị Huỳnh Thị H.

- Anh Trương Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B T, sinh ngày 10/9/2005; chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị B N, sinh ngày 30/12/2000; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh Trương Văn T và chị Huỳnh Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trương Văn Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp theo biên lai số 0000544 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh

